

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG THỔ
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 9 năm 2019
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Chiên; Bà Đào Thị Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 50/2019/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19/8/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Giàng A D, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: Bản P, xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Bản P, xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

- Người làm chứng: Anh Giàng A C, sinh năm 1989, địa chỉ: Bản P, xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, kết quả xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ, nội dung vụ án cụ thể như sau:

** Lời khai của nguyên đơn là ông Giàng A D trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:*

Ông Giàng A D và bà Phạm Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/4/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Huổi Luông, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Giữa ông D và bà L không có con chung. Ông D đã có 04 người con riêng với người vợ khác trước khi kết hôn với bà L. Bà L không có con riêng. Thời gian đầu, ông D và bà L chung sống với nhau hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2015, giữa hai vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng về quan

điểm sống, vợ chồng không có niềm tin ở nhau. Bà L không biết quan tâm đến truyền thống gia đình nhà chồng, muốn chia rẽ tình cảm gia đình, tình cảm cha con giữa ông D và các con riêng của ông, không tôn trọng nề nếp, truyền thống gia đình, dân tộc của ông D. Trong gia đình ông D không có hành vi đánh chửi nhau hay bạo lực gia đình. Không có việc ông D ngoại tình với người phụ nữ khác bên ngoài. Ông D đã nhiều lần khuyên bảo bà L và cũng nhiều lần tạo điều kiện cho bà L để mong muốn vun đắp hạnh phúc gia đình nhưng bà L không thay đổi cách sống khiến mâu thuẫn trong gia đình trở nên trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương nhau, không quan tâm chăm sóc, chia sẻ cho nhau, tôn trọng lẫn nhau. Ông D luôn là trụ cột của gia đình, là chỗ dựa của các con ông nên việc bà L muốn ông D từ bỏ các con để sống riêng với và L sẽ không bao giờ được ông D chấp nhận. Từ tháng 4 năm 2019 đến nay, ông D và bà L đã sống ly thân và hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Ông D đã 54 tuổi, các con của ông phần lớn đều đã trưởng thành, việc ông đi đến quyết định ly hôn là do ông đã suy nghĩ chín chắn và thấu đáo. Ông D không còn tình cảm với bà L nữa nên ông kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông D và bà L không có con chung.

Về tài sản chung: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Phạm Thị L đã viết bản tự khai và trình bày tại Tòa án với nội dung như sau:*

Về quan hệ hôn nhân, bị đơn nhất trí với lời khai của nguyên đơn về thời điểm kết hôn. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, bị đơn cho rằng do ông D đi ngoại tình, có người phụ nữ khác ở bên ngoài nên không quan tâm, yêu thương bà L nữa. Bị đơn còn tình cảm với nguyên đơn nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung, nguyên đơn và bị đơn không có con chung.

Về tài sản chung, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có lý do.

Theo lời khai của người làm chứng là anh Giàng A C, con trai của ông D thì có việc bà L có quan tâm, chăm sóc đến gia đình nhưng chỉ trong một thời gian ngắn, sau đó thì bà L thường xuyên gây ra những mâu thuẫn, bất hòa trong gia đình, muốn cùng ông D ở riêng, đuổi các con, cháu ra khỏi nhà. Bà L không tôn trọng nề nếp, truyền thống, cách sống của gia đình theo dân tộc của ông D.

Kết quả Tòa án xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ cho thấy: Trong gia đình ông Giàng A D không có hành vi bạo lực gia đình. Mâu thuẫn trong gia đình ông D không có ai đề nghị chính quyền giải quyết. Ông D và bà L đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2019 đến nay.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về xem xét đơn khởi kiện, thụ lý giải quyết vụ án, về xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, việc ra các văn bản tố

tụng cũng như tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện hiện đúng trình tự, thủ tục tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định, chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do chính đáng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện, xem xét, quyết định cho ông Giàng A D được ly hôn với bà Phạm Thị L. Về con chung, nguyên đơn và bị đơn không có con chung. Về tài sản, nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 29/5/2019, ông Giàng A D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại Bản Pô Tô, xã Huổi Luông, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không phải do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét các yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Giàng A D và bà Phạm Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2015 thì đã bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Từ tháng 4 năm 2019 đến nay, ông D và bà L đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, không có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc, chia sẻ cho nhau, tôn trọng lẫn nhau. Từ trước tới nay, ông D là trụ cột của gia đình, ông đã xây dựng được một gia đình ấm cúng, hòa thuận, hạnh phúc với các con, cháu, trong khi bà L chỉ mới kết hôn với ông D từ năm 2015 đến nay đã muốn ông D từ bỏ các con riêng của ông là không phù hợp với đạo lý, truyền thống tốt đẹp của gia đình ông D. Ông D cũng đã nhiều lần khuyên bảo, tạo điều kiện cho bà L để vun đắp hạnh phúc gia đình nhưng bà L vẫn không thay đổi cách sống, tình cảm gia đình không hàn gắn được. Đến nay, ông D không còn tình cảm với bà L, không muốn tiếp tục quan tâm, yêu thương, gắn bó với bà L. Lời khai của ông D hoàn

toàn phù hợp với lời khai của người làm chứng, kết quả xác minh thu thập tại liệu, chứng cứ của Tòa án. Như vậy, có thể thấy rõ cuộc sống vợ chồng giữa ông D và bà L đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông D.

Về con chung: Ông D và bà L không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về quan điểm của bị đơn: Bà Phạm Thị L cho rằng, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do ông D đã ngoại tình với người phụ nữ khác, không chung thủy với bà L. Tuy nhiên, ngoài lời khai, bà L không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh về vấn đề này. Bà Phạm Thị L không nhất trí ly hôn với ông Giàng A D vì bà còn tình cảm với ông D nhưng bà L không giải quyết được những mâu thuẫn vợ chồng khiến mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng, không được ông D dành tình cảm, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ. Việc bà L không muốn ly hôn để vợ chồng đoàn tụ là mong muốn sự ràng buộc hôn nhân theo ý chí của một bên, không có sự tự nguyện của hai bên nam, nữ. Như vậy, nếu để hôn nhân tiếp tục kéo dài sẽ không mang lại hạnh phúc gia đình, mục đích của hôn nhân không đạt được.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Giàng A D.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Giàng A D được ly hôn với bà Phạm Thị L.

Về con chung: Ông Giàng A D và bà Phạm Thị L không có con chung.

Về tài sản: Ông Giàng A D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Giàng A D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số: AA/2010/0002181, ngày 29/5/2019, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, ông Giàng A D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- THADS huyện Phong Thổ;
- Đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hạnh